**41. Tên thủ tục hành chính: Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - 1.003388**

**41.1 Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:**

| **STT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính:** *Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau:* | 1. Nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:  Trung tâm Hành chính công (Tòa nhà Bưu điện tỉnh Đồng Tháp, số 85 đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (phía mặt đường Lý Thường Kiệt).  2. Hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích. | Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. |  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | 1. Đối với hồ sơ được nộp trực tiếp qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.  a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính;  c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả; đồng thời, chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình. | Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc *(không để quá 4 giờ làm việc)* hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày. |  |
| **Bước 3** | Giải quyết thủ tục hành chính | Sau khi nhận hồ sơ thủ tục hành chính từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính: | **18 ngày**, trong đó: |  |
| *1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ)* | *04 giờ làm việc* |  |
| *2. Giải quyết hồ sơ (cơ quan/bộ phận chuyên môn), trong đó:* | *17 ngày* |  |
| 2.1. Sở NN&PTNT kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định nội dung của hồ sơ, đề nghị UBND cấp tỉnh phê duyệt. | 09 ngày  (Trả lại hồ sơ không quá 05 ngày làm việc**)** |  |
| Sở NN&PTNT có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Đối với hồ sơ không hợp lệ, Sở NN&PTNT có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về việc hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.  - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở NN&PTNT ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định). Thành phần Tổ thẩm định có từ 7 đến 9 thành viên, gồm: Tổ trưởng là đại diện lãnh đạo và 01 thư ký là chuyên viên thuộc Sở NN&PTNT; các thành viên khác gồm đại diện các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; ngoài ra có thể mời thêm một số chuyên gia có liên quan. |  |
| *+ Chuyên viên*  *+ Lãnh đạo phòng/bộ phận*  *+ Lãnh đạo đơn vị* | *05 ngày*  *02 ngày*  *02 ngày* |
| 2.2. Trên cơ sở kết quả họp Tổ thẩm định, Sở NN&PTNT trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. | 04 ngày |
| *+ Chuyên viên*  *+ Lãnh đạo phòng/bộ phận*  *+ Lãnh đạo đơn vị*  *+ Văn thư đơn vị* | *01 ngày*  *01 ngày*  *01 ngày*  *01 ngày* |
| 2.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và gửi cho doanh nghiệp, trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải có thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp (thông qua Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công) | 04 ngày |
| *+ Chuyên viên*  *+ Lãnh đạo phòng/bộ phận*  *+ Lãnh đạo đơn vị*  *+ Văn thư đơn vị* | *01 ngày*  *01 ngày*  *01 ngày*  *01 ngày* |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Công chức tiếp nhận và trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử thực hiện như sau:  - Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định.  - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả.  - Trường hợp nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích. (đăng ký theo hướng dẫn của Bưu điện) (nếu có)  - Thời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc. | *04 giờ* |  |

**41.2. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công; nghệ cao (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTG ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học va công nghệ doanh nghiệp đã được cấp;

- Bản thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Điều 2 theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-TTG ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các minh chứng cho các nội dung thuyết minh gồm: Bản sao báo cáo Tài chính của doanh nghiệp 02 năm liền kề trước khi đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; bản sao các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mua vật tư thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ, sản phẩm... của Doanh nghiệp; bản sao hợp đồng lao động, bằng cấp của lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên đang trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển tại doanh nghiệp; bản sao Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn còn hiệu lực của sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất; bản sao văn bản minh chứng về bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền cấp b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

**41.3. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Tổ chức

b) Cá nhân

**41.4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận của doanh nghiệp và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**41.5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

**41.6. Phí, lệ phí:** Không có

**41.7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

a. Văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công; nghệ cao (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018);

b. Thuyết minh doanh nghiệp đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018);

**41.8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện cụ thể sau đây:

a) Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển quy định tại Điều 5 của Luật công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp.

b) Tạo ra sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, năng suất, giá trị và hiệu quả cao, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp đạt ít nhất 60% trong tổng số doanh thu thuần hàng năm.

c) Có hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại Việt Nam trên tổng doanh thu thuần hàng năm đạt ít nhất 0,5%; số lao động có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển trên tổng số lao động của doanh nghiệp đạt ít nhất 2,5%.

d) Áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

**41.9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực NN&PTNT thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ NN&PTNT.

- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận có thời hạn đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

**41.10. Lưu hồ sơ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 41.2; - Hồ sơ thẩm định.  - Văn bản trình UBND tỉnh Đồng Tháp; Quyết định công nhận. | Cơ quan chuyên môn (Phòng/Bộ phận chuyên môn) | Từ 05 năm, sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của đơn vị (hoặc lưu trữ tỉnh, huyện) |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thôngtrong giải quyết thủ tục hành chính**.** | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả |

**(Mẫu số 01 QĐ19/2018/QĐ-TTg)**

|  |  |
| --- | --- |
| ….. (tên doanh nghiệp)  V/v đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……..., ngày … tháng … năm ……* |

Kính gửi: Ủy ban nhân dân *....(tỉnh, TP...)…….*

Căn cứ quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ………(tên Doanh nghiệp) ... xin gửi tới Ủy ban nhân dân ....(tỉnh, TP...)…….. Hồ sơ đề nghị xem xét công nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp: …………………………………………………………

- Tên viết tắt (nếu có): ……………………………………………………..…

- Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ……………………………

2. Trụ sở chính: ……………………………………………………………….

- Địa chỉ: ……………………………………………………………………...

- Số điện thoại: ………………….…………………Fax: ……………………

3. Đại diện doanh nghiệp: ……………………………………………………

- Họ và tên: ……………….…… chức vụ ………………. giới tính ..............

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): số: … do… cấp ngày . tháng…. năm ……

- Hộ khẩu thường trú hoặc nơi thường trú (đối với người nước ngoài): ………………………………………

4. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, số …………………….. do ………… cấp, ngày …. tháng …… năm ……..;

- Bản Thuyết minh doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận có thời hạn đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được cấp giấy Chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của đơn vị trước pháp luật.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân ....(tỉnh, TP...)…… xem xét và cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lĩnh vực …… (ghi rõ lĩnh vực cụ thể đề nghị công nhận)...

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**(Mẫu số 02 QĐ19/2018/QĐ-TTg)**

**THUYẾT MINH**

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên doanh nghiệp: ……………………………………………………….

- Tên viết tắt (nếu có): ………………………………….……………………

- Tên giao dịch: Bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ............................................

2. Trụ sở chính: …………………………………………………..…………..

- Địa chỉ: ……………………………………………….……………………..

- Số điện thoại: ……………………..…….Fax: …………………………….

3. Đại diện doanh nghiệp: ……………………………………………………

- Họ và tên: chức vụ giới tính

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số: ... do ……. cấp ngày …. tháng ….. năm ……

- Hộ khẩu thường trú/nơi thường trú (đối với người nước ngoài): …………………………

4. Lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (số ……… nơi cấp …….., ngày … tháng … năm …)

- Tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp và những văn bản liên quan kèm theo.

5. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp

**II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20... - 20...**

(Nêu những hoạt động của doanh nghiệp đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số ………/2018/QĐ-TTg)

1. Lĩnh vực công nghệ cao trong nông nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Liệt kê những lĩnh vực công nghệ cao (Công nghệ tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các quy trình công nghệ tiên tiến...) mà doanh nghiệp đã ứng dụng, loại sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã sản xuất, kèm theo các minh chứng).

2. Hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp (Nêu những nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp: Tên đề tài, dự án các cấp (kể cả dự án cấp cơ sở do doanh nghiệp đầu tư kinh phí), kết quả đạt được, kinh phí, kèm theo các văn bản minh chứng)

3. Kết quả hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(Nêu cụ thể kết quả sản xuất các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kèm theo các minh chứng)

4. Về việc áp dụng biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng

(Nêu tóm tắt các biện pháp thân thiện với môi trường, biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý chất lượng, kèm theo các minh chứng)

5. Chi phí cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp

(Nêu tổng chi phí chi cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp, so sánh với tổng doanh thu hàng năm).

6. Nhân lực của doanh nghiệp

(Nêu số lao động của doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên thực hiện nghiên cứu và phát triển, so sánh với tổng số lao động ký hợp đồng làm việc dài hạn của đơn vị, kèm theo minh chứng)

7. Các hoạt động khác (nếu có)

**III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, GIAI ĐOẠN 20.. -20...**

(Nêu tóm tắt phương hướng và những hoạt động của doanh nghiệp trong 05 năm tới liên quan đến hoạt động, nghiên cứu, trình diễn, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp)

**IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ**

1. Tự đánh giá

(Doanh nghiệp tự đánh giá đã đáp ứng đủ tiêu chí để công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa).

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận và những đề nghị khác - nếu có)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**(Mẫu trả kết quả)**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG THÁP** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *Đồng Tháp, ngày tháng năm 202..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp**

**ứng dụng công nghệ cao**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-TTG ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Xét Tờ trình số…… /TTr-SNN ngày tháng năm 202…. của Sở Nông nghiệp và PTNT về cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: …………………………………………..…………..

- Tên viết tắt: …………………………………………………….………..

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: …………..……………….………

- Trụ sở chính: …………………………………………………………….

- Đại diện doanh nghiệp: …………………………………………………..

- Thông tin liên hệ: Điện thoại: ……... Email: ……………………………

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ..................................................

- Lĩnh vực hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Trang trại nuôi cá đặc sản tuần hoàn nước kết hợp trồng rau thủy canh ứng dụng công nghệ cao.

Điều 2. Hiệu lực của Giấy chứng nhận: 05 (năm) năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Sở NN&PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ, Công ty …………………….. và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:   * Như Điều 3; * ……… * Lưu: VT,…… | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  CHỦ TỊCH |

#### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO**

1. Tên doanh nghiệp: …………………………………………………..……………………………………………….

2. Tên viết tắt: ………………………………………………………..………………………………………………….

3. Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: ………………………………………………………………………………..

4. Địa chỉ trụ sở chính: ……………………………………………... Điện thoại: …………………. Email: ………….

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp .......................................................................................................................

6. Lĩnh vực hoạt động nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: ………………………………………………………….

**Là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

(*theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 202…..của UBND tỉnh Đồng Tháp*)

|  |  |
| --- | --- |
| Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến  ngày.... tháng...... năm....... | *Đồng Tháp, ngày tháng năm 20…..*  **CHỦ TỊCH** |